TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1601/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Châu;

Ông Nguyễn Đình Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4699/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy Y, sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 140 đường ĐCM, Phường Y, Quận X, Thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen D, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 82 Erin Meadows Close SE, Calgary, Alberta, T2B 3E5, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Nguyễn Thị Thúy Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thúy Y và ông Nguyen D tự nguyện kết hôn 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H, Việt Nam, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 23/01/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn, sau đó ông Nguyen D trở về sinh sống và làm việc tại nước Canada, bà Nguyễn Thị Thúy Y vẫn sinh sống tại Việt Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Kể từ khi trở về sinh sống và làm việc tại nước Canada, ông Nguyen D và bà Nguyễn Thị Thúy Y ít liên lạc với nhau và ông Nguyen D cũng

không trở lại Việt Nam thăm và chung sống với bà Nguyễn Thị Thúy Y. Từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và hiện nay không còn tình cảm với nhau. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Thúy Y yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyen D:

Tại bản khai ngày 01/8/2020 của ông Nguyen D đã được hợp pháp hóa lãnh sự, ông Nguyen D thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Nguyễn Thị Thúy Y trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyen D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thúy Y.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Thúy Y và ông Nguyen D yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Y yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyen D, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyen D đang cư trú tại nước Canada nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Y, bị đơn ông Nguyen D tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Y và bị đơn ông Nguyen D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thúy Y, ông Nguyen D theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Y đối với bị đơn ông Nguyen D, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 23/01/2019 do Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H, Việt Nam cấp cho bà Nguyễn Thị Thúy Y và ông Nguyen D; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy Y và ông Nguyen D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Thúy Y yêu cầu ly hôn ông Nguyen D với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn, sau đó ông Nguyen D trở về sinh sống và làm việc tại nước Canada, bà Nguyễn Thị Thúy Y vẫn sinh sống tại Việt Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Kể từ khi trở về sinh sống và làm việc tại nước Canada, ông Nguyen D và bà Nguyễn Thị Thúy Y ít liên lạc với nhau và ông Nguyen D cũng không trở lại Việt Nam thăm và chung sống với bà Nguyễn Thị Thúy Y. Từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và hiện nay không còn tình cảm với nhau. Đối với ông Nguyen D cũng thừa nhận trình bày của bà Nguyễn Thị Thúy Y là đúng và đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy Y. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thúy Y và ông Nguyen D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Y ly hôn ông Nguyen D theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy Y phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy Y đối với ông Nguyen D:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy Y ly hôn ông Nguyen D.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Thúy Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0091926 ngày 02/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H, Việt Nam.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Thúy Y vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QX, TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức